

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

ĐỐI CHIẾU NHÓM TỪ CHỈ TÍNH CÁCH TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

PHẠM THỊ THUÝ HỒNG*

TÓM TẮT: Nhóm từ chỉ tính cách trong tiếng Việt và tiếng Anh khá phong phú, đa dạng. Về cấu trúc và cách thức cấu tạo từ mới cũng có nhiều sự khác nhau giữa hai ngôn ngữ. Bài viết này tập trung vào nghiên cứu đối chiếu cấu tạo và ngữ nghĩa của chúng trong hai ngôn ngữ trên cơ sở khảo sát số lượng, phân tích cách thức cấu tạo từ và phương thức cấu tạo nghĩa của chúng. Kết quả khảo sát cho thấy số lượng từ ngữ chỉ tính cách trong tiếng Việt nhiều hơn tiếng Anh. Nhóm từ chỉ tính cách tích cực trong tiếng Việt luôn nhiều hơn nhóm từ chỉ tính cách tiêu cực trong nhiều phạm vi và nhiều hơn số lượng từ trong tiếng Anh. Về cách thức cấu tạo, tiếng Anh thường dùng tiền tố *un-*, *in-*... tiếng Việt sử dụng nhiều các yếu tố cấu tạo từ như: vô, bất...và dùng yếu tố “*tính*” + một yếu tố chỉ tính cách riêng. Những sự giống và khác nhau này giúp cho người nước ngoài học tiếng Việt và người Việt học tiếng Anh nắm được nhóm từ này một cách hệ thống, dễ dàng.

TỪ KHÓA: từ chỉ tính cách; nghĩa; đặc điểm; cấu tạo; yếu tố cấu tạo từ.

NHẬN BÀI: 29/08/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/11/2024

1. Dẫn nhập

Nhóm từ chỉ tính cách là một nhóm từ quan trọng trong hệ thống từ vựng các ngôn ngữ, tuy nhiên, nhóm từ này lại chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ. Vì thế, bài viết này tập trung vào nghiên cứu đối chiếu nhóm từ này trong tiếng Việt và tiếng Anh, từ đó thấy được sự tương đồng và khác biệt về bình diện cấu trúc và ngữ nghĩa của hai ngôn ngữ. Chúng tôi hi vọng kết quả nghiên cứu có thể phục vụ cho việc dạy học tiếng Anh cho người Việt và tiếng Việt cho người nước ngoài, đồng thời cũng góp phần vào công tác biên dịch, phiên dịch giữa hai ngôn ngữ Việt, Anh. Tư liệu nghiên cứu của bài viết chủ yếu dựa vào 2 cuốn *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê (chủ biên), 2006) và *Từ điển tiếng Anh Cambridge International Dictionary of Idioms* (McCarthy et al, 1998).

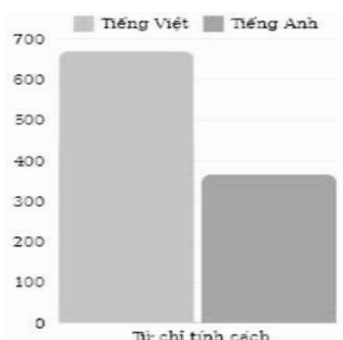
2. Số lượng các từ chỉ tính cách trong tiếng Việt và tiếng Anh

Sau khi tiến hành khảo sát, tôi đã tìm được 670 từ, cụm từ chỉ tính cách trong tiếng Việt và 366 từ chỉ tính cách trong tiếng Anh. Ngoài ra, trong tiếng Việt và tiếng Anh có một vài cụm từ hoặc các thành ngữ chỉ tính cách, tuy nhiên tôi không đưa vào bài nghiên cứu mà chỉ tập trung nghiên cứu các đơn vị là từ vựng. Trong đó có: 189 từ chỉ tính cách tích cực trong tiếng Anh (144 từ chỉ tính cách trong cuộc sống hàng ngày; 57 từ chỉ tính cách khả năng trong công việc) và 139 từ chỉ tính cách tiêu cực trong tiếng Anh (110 từ chỉ tính cách trong cuộc sống hàng ngày; 29 từ chỉ tính cách khả năng trong công việc). Tiếng Việt có 378 từ chỉ tính cách tích cực (356 từ chỉ tính cách trong cuộc sống hàng ngày; 75 từ chỉ tính cách khả năng trong công việc); 217 từ chỉ tính cách tiêu cực (172 từ chỉ tính cách trong cuộc sống hàng ngày; 45 từ chỉ tính cách khả năng trong công việc). Ngoài hai nhóm từ chỉ tính cách tích cực và tiêu cực như trên, trong cả hai ngôn ngữ còn có nhóm từ chỉ tính cách trung tính (38 từ trong tiếng Anh và 75 từ trong tiếng Việt).

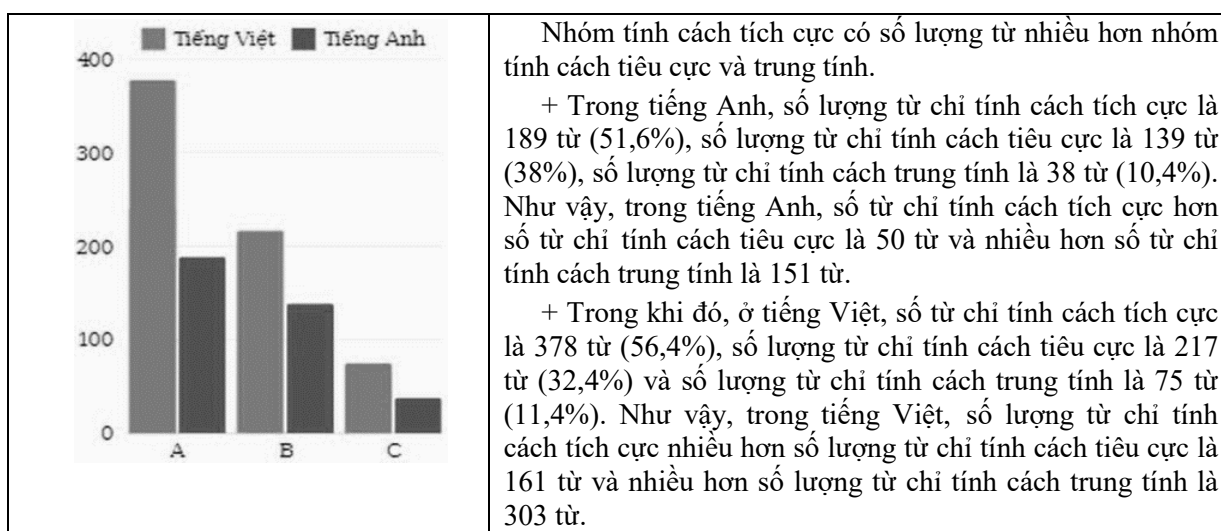
Từ những con số như vậy, có thể thấy:

- Số lượng từ ngữ chỉ tính cách trong tiếng Việt nhiều hơn tiếng Anh. Trong tiếng Việt có tổng 670 từ chỉ tính cách, trong khi ấy, ở tiếng Anh chỉ có 366 từ, nhiều hơn gấp 1.8 lần.

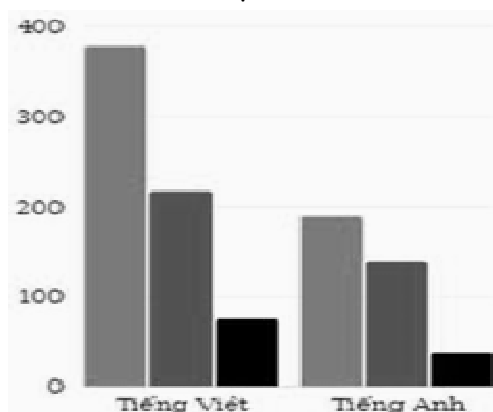
*TS; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội;
Email: thuyhongling@gmail.com



Biểu đồ 1. Biểu đồ so sánh số lượng từ chỉ tính cách trong tiếng Việt và tiếng Anh



Biểu đồ 2. So sánh số lượng từ chỉ tính cách tích cực, tiêu cực, trung tính trong tiếng Anh và tiếng Việt



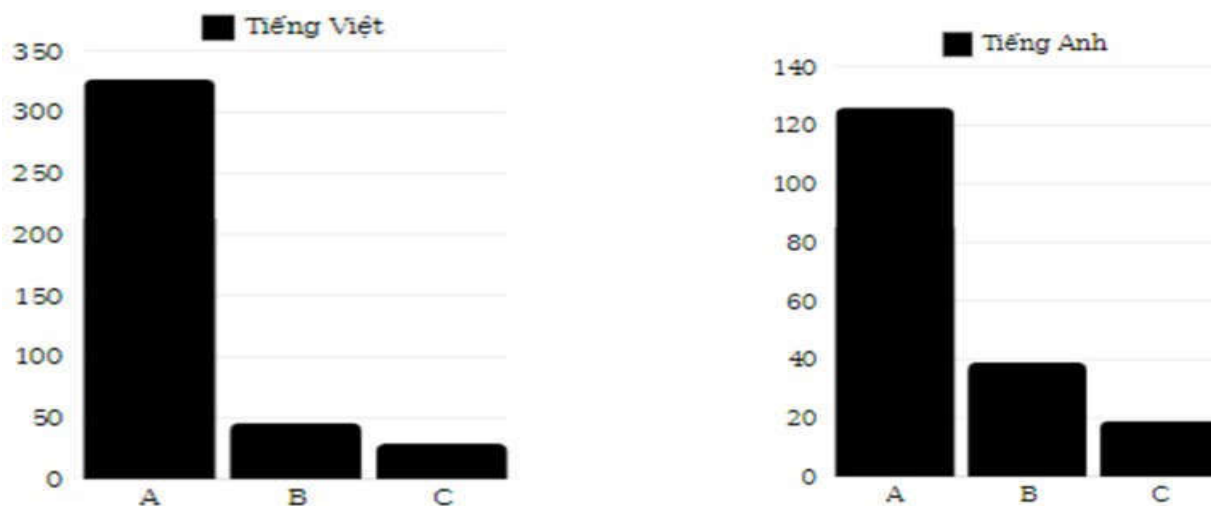
Chú thích:

- : Từ chỉ tính cách tích cực
- : Từ chỉ tính cách tiêu cực
- : Từ chỉ tính cách trung tính



Biểu đồ 3. So sánh số lượng từ chỉ tính cách tích cực, tiêu cực, trung tính trong tiếng Việt và tiếng Anh

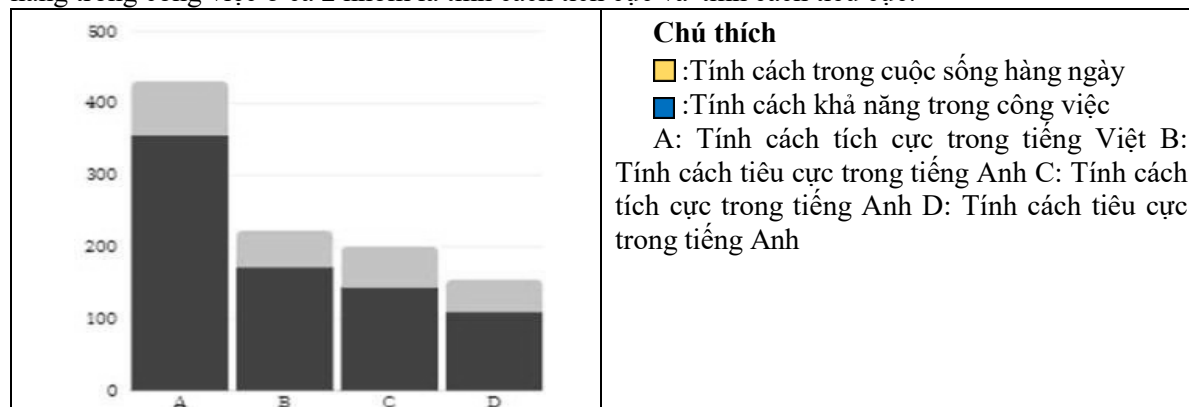
- Nhóm tính cách tích cực trong tiếng Anh và tiếng Việt, tổng số từ chỉ tính cách tích cực không bằng tổng của 2 nhóm là nhóm tính cách trong cuộc sống hàng ngày và nhóm tính cách khả năng trong làm việc. Sở dĩ có lí do như vậy là vì, có những tính cách nằm ở cả 2 nhóm mà không nằm hẳn về 1 nhóm nào. Ví dụ: Credent - Uy tín, đáng tin cậy, Hard-working - Chăm chỉ, cần cù, chịu khó,... có thể xếp vào cả 2 nhóm. Trong tiếng Anh có 18 từ (10,3%), tiếng Việt có 29 từ (7,2%) nằm ở cả 2 tiểu nhóm và được tôi thể hiện trong biểu đồ sau:



Biểu đồ 4. So sánh số từ của hai tiểu nhóm thuộc nhóm tính cách tích cực trong cả trong tiếng Việt và tiếng Anh

Chú thích: A: Tính cách trong cuộc sống hàng ngày B: Tính cách khả năng trong công việc C: Nhóm từ chung

- Nhóm từ chỉ tính cách trong cuộc sống hàng ngày luôn nhiều hơn nhóm từ chỉ tính cách khả năng trong công việc ở cả 2 nhóm là tính cách tích cực và tính cách tiêu cực.



Biểu đồ 5. So sánh nhóm từ chỉ tính cách trong cuộc sống hàng ngày với tính cách khả năng trong công việc

3. Đặc điểm của nhóm từ chỉ tính cách trong tiếng Việt và các đơn vị tương đương trong tiếng Anh

3.1. Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ

Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập; để tạo lập từ mới, tiếng Việt thường sử dụng phương thức cấu tạo từ mới như phương thức ghép, láy, dùng trật tự từ... Trong 670 từ tiếng Việt được khảo

sát thì chỉ có 7 từ đơn (hiền, tốt, lành, ngoan, thoáng, trầm, ác) chiếm 1%, còn lại 665 từ là từ phức chiếm 99%.

+ Trong tiếng Việt, có rất nhiều trường hợp để tạo từ mới, trái nghĩa với tính cách ban đầu, sẽ kết hợp với từ “không”, “vô”, “bất” để tạo thành từ mới. Tổng cộng có 33 trường hợp (4,7%).

+ Trường hợp dùng trật tự từ để tạo từ mới, tôi chỉ mới tìm được 1 trường hợp là “độc ác” và “ác độc” (0,2%). Hai trường hợp này đổi vị trí từ cho nhau nhưng vẫn đảm bảo về mặt ngữ nghĩa.

Tiếng Anh là ngôn ngữ hòa kết, tiếng Anh thường sử dụng phương thức cấu tạo từ mới là: thêm hậu tố, tiền tố, chuyển đổi từ loại hoặc ghép từ.

+ Trong tiếng Anh, có nhiều từ chỉ tính cách tiêu cực là sự kết hợp của tiền tố -un hoặc -in với một tính từ chỉ tính cách tích cực.

3.2. Đặc điểm từ loại

Đại đa số các từ chỉ tính cách đều là các tính từ. Có những từ chỉ tính cách là sự kết hợp của 1 động từ với 1 danh từ hoặc tính từ và tạo thành 1 cụm động từ chỉ tính cách. Ví dụ:

Thách thức → *Thích thách thức, thích đối đầu với cái gì đó*

Trong tiếng Việt, tính từ thường đứng sau danh từ, động từ và thuộc phân vị ngữ và bổ sung ý nghĩa cho danh từ. Trừ những trường hợp làm chủ ngữ thì tính từ mới đứng ở đầu câu nhưng trường hợp ấy thì rất ít. Đối với các tính từ là nhóm từ chỉ tính cách thì các từ ấy thường đứng sau các danh từ chỉ người để làm chức năng vị ngữ. Ví dụ:

Cô ấy là một người hòa đồng. => Tính từ chỉ tính cách “hòa đồng” đứng sau động từ “là”, danh từ “người” và có chức năng làm vị ngữ của câu và bổ sung ý nghĩa cho chủ ngữ là “cô ấy”.

Ngược lại, tính từ trong tiếng Anh thường đứng trước danh từ, đóng vai trò là bổ nghĩa cho danh từ, giúp danh từ được miêu tả cụ thể, chi tiết hơn nhằm cung cấp thông tin rõ ràng cho người đọc. Ví dụ:

She is a sociable person (Cô ấy là một người hòa đồng) => Tính từ chỉ tính cách “Sociable” đứng trước danh từ “person” và có chức năng bổ nghĩa cho chủ ngữ là “She” - cô ấy.

3.3. Đặc điểm ngữ nghĩa

Cả tiếng Anh và tiếng Việt đều có đặc điểm chung là có 1 nhóm lớp từ đồng nghĩa lớn. Trong tiếng Anh, có những trường hợp có đến 7 từ đồng nghĩa là *Careful, Cautious, Cirumspect, Deliberate, Discreet, Prudent, Wary* để nói về trường nghĩa chỉ tính cách cẩn thận, thận trọng, chu đáo, chu toàn. Trong tiếng Việt, để chỉ tính cách “hiền” đã có 9 từ đồng nghĩa gồm: *hiền lành, dịu dàng, ôn hòa, nhu mì, hiền hậu, đôn hậu, hiền dịu, tử tế*.

Trong tiếng Việt, nhóm từ chỉ tính cách, những tính cách tốt, tích cực thường được gọi là “lòng”, “tinh thần”,... Những nét tính cách xấu, tiêu cực thường được gọi là “thối”, “tật”,...

Với tính cách tốt, tích cực tiếng Việt có cấu trúc:

Lòng/ tinh thần,... + từ chỉ tính cách
--

Ví dụ: “bao dung”, “thương người”, “đồng cảm” khi chuyển sang danh từ là: “lòng bao dung”, “lòng thương người”, “tinh thần đồng cảm”.

Ngược lại, với những tính cách xấu, tiêu cực tiếng Việt có cấu trúc:

tật, thói,...+ từ chỉ tính cách

Ví dụ: “kiêu ngạo”, “đố kị”, “lười biếng”,... khi chuyển sang danh từ là “thói kiêu ngạo”, “thói đố kị”, “tật lười biếng”,...

Tiếng Việt cũng thường sử dụng một từ chung để chỉ cả tất cả tính cách là “tính”. “Tính” thì có 2 cách sử dụng là:

+ Cách 1: “**Tính**” + **tính cách**: *tính tốt, tính thương người, tính kiêu ngạo*,...

+ Cách 2: **Tính cách** + “**tính**”: *tốt tính, xấu tính, lành tính, trầm tính*,...

Với trường hợp thứ 1, “tính” có thể kết hợp với cả từ đơn lẫn từ phức. Nhưng với trường hợp 2, “tính” thường sẽ kết hợp với những từ đơn chứ không kết hợp với những từ ghép.

Từ chỉ tính cách thường được bổ sung nghĩa bằng các hư từ chỉ mức độ như *rất – very*, *vô cùng, cực kỳ – extremely*, *quá – too*, *khá – fairly*, *thật sự – really*,...

Ví dụ: *Cô ấy tốt bụng – she is kind*, nếu không có các hư từ chỉ mức độ thì *Cô ấy tốt bụng* hay *she is kind* mới chỉ thể hiện thái độ như trần thuật lại về tính cách của một người nào đó. Nhưng nếu thêm hư từ “rất” và từ chỉ mức độ “very” vào câu → *Cô ấy rất tốt bụng – She is very kind*, câu ấy đã trở thành một câu khen ngợi từ người nói đến đối tượng được nhắc đến. Việc thêm các từ chỉ mức độ này giúp thể hiện sự đánh giá về tính cách của một người nào đó rõ ràng hơn.

4. Kết luận

Nhóm từ chỉ tính cách trong tiếng Việt và tiếng Anh khá phong phú, đa dạng. Về cấu trúc và cách thức cấu tạo từ mới cũng có nhiều sự khác nhau giữa hai ngôn ngữ. Việc nghiên cứu nhóm từ này nhằm giúp cho người nước ngoài học tiếng Việt nắm được nhóm từ này một cách hệ thống, dễ dàng. Chúng tôi sẽ tiếp tục hướng nghiên cứu này trong một công trình tiếp theo - đối chiếu nhóm từ ngữ (bao gồm cả thành ngữ, tục ngữ và các cụm từ cố định) chỉ tính cách trong tiếng Việt và tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lý Lê (2013), *Thành ngữ nói về tính cách con người trong tiếng Hán (Liên hệ với thành ngữ tiếng Việt)*, LVTTS, Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Hoàng Phê (chủ biên) (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
3. Từ điển tiếng Anh Cambridge International Dictionary of Idioms (McCarthy et al, 1998).
4. Phương Thảo (2023), 200+ từ vựng về tính cách trong tiếng Anh, truy cập ngày 15/04/2024, từ <https://flyer.vn/top-tinh-tu-mieu-ta-nguoi-tu-trong-ra-ngoai-ban-co-the-chua-biet/https://www.kamus.net/>

A contrastive analysis of word groups denoting personality in Vietnamese and English

Tóm tắt: The group of words denoting personality in Vietnamese and English is quite rich and diverse. In terms of structure and way of forming new words, there are also many difference features between the two languages. This article focuses on contrastive research on their structures and semantics in the two languages based on quantitative surveys and analysis of how words are formed and their meanings. Survey results show that the number of words indicating personality in Vietnamese is greater than in English. The group of words denoting positive personalities in Vietnamese is always larger than the group of words denoting negative personalities in many fields and is larger than the number of words in English. Regarding the method of structures, English often uses the prefixes *un-*, *in-*. Vietnamese uses many word-forming elements such as: *vô*, *bất*... and uses the element “tính” + an element indicating “tính”. These similarities and differences help foreigners learning Vietnamese and Vietnamese learning English to understand this group of words systematically and easily.

Key words: group of personality words; meaning; features; structures; word-forming elements.